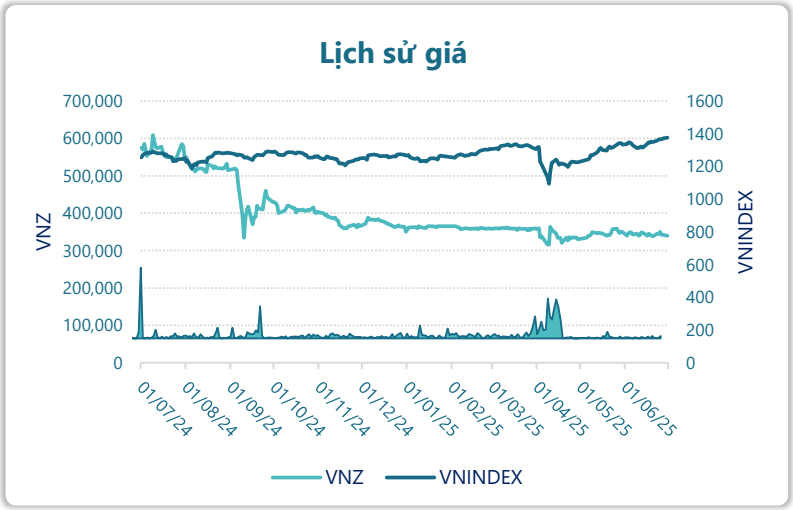
FireAnt

CTCP Tập đoàn VNG (UPCOM: VNZ)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**339,900**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	609,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	316,000
SL cổ phiếu LH	29,376,974
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,178
% sở hữu nước ngoài	46.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	9,985
P/E	-26.3
EPS	-12,929

DT thuần

Q2/25

2,571

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 339| 15.2%

YoY: ▲ 516| 25.1%

LN sau thuế

Q2/25

14.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 29.5| 198%

YoY: ▲ 569| 103%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

3.9%

+/- YoY: ▲ 14.5%

DT thuần

6T 2025

4,803

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 489| 11.3%

LN sau thuế

6T 2025

-0.30

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 586| 99.9%

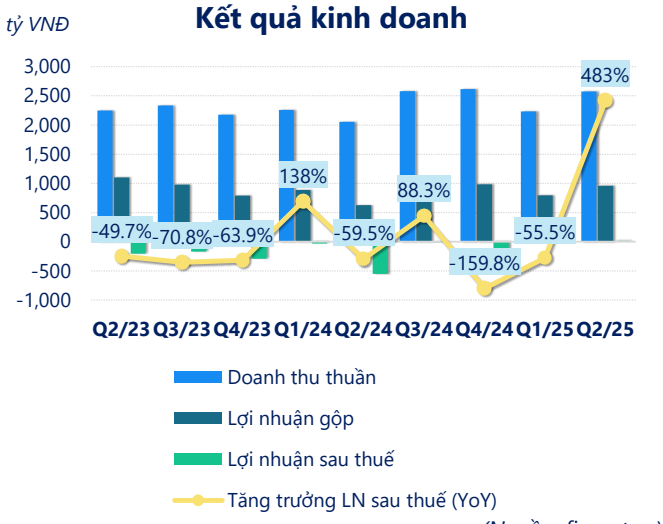
ROE

Q2/25

-26.4%

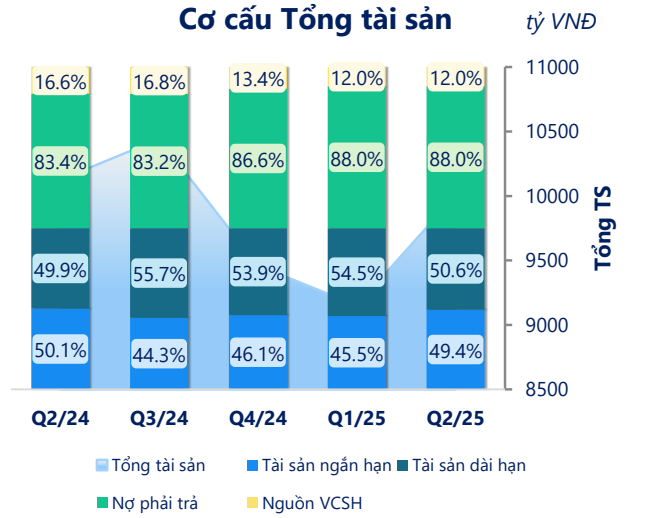
+/- YoY: ▲ 0.1%

Kết quả kinh doanh



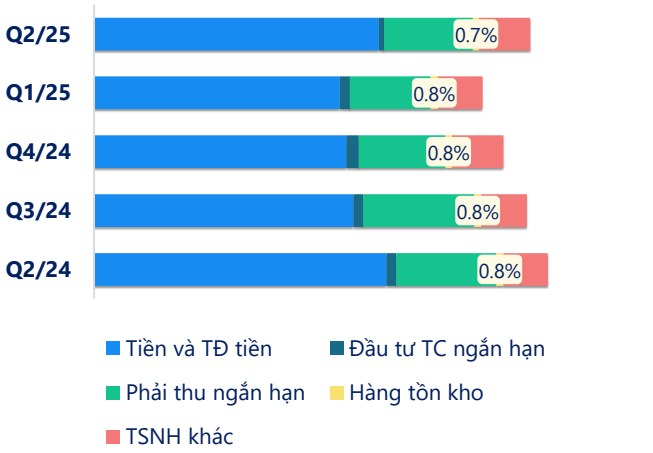
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



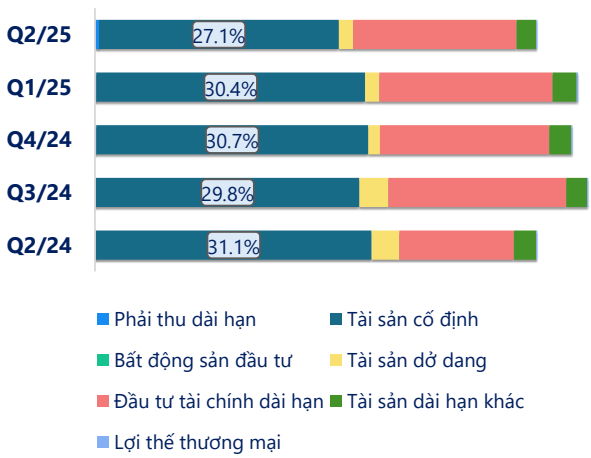
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



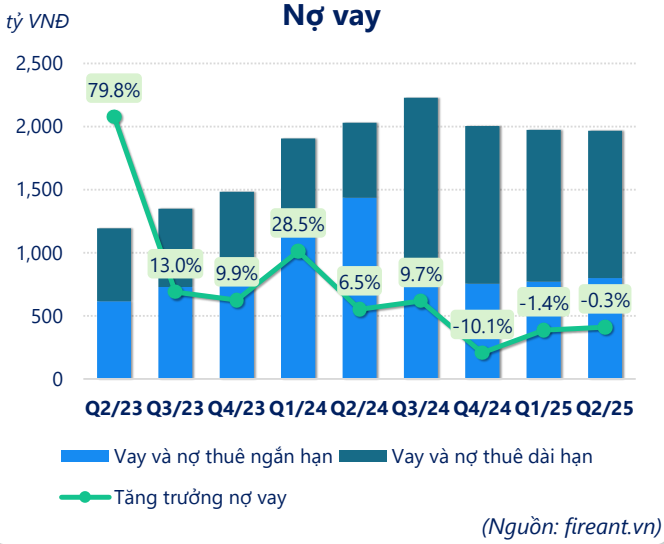
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



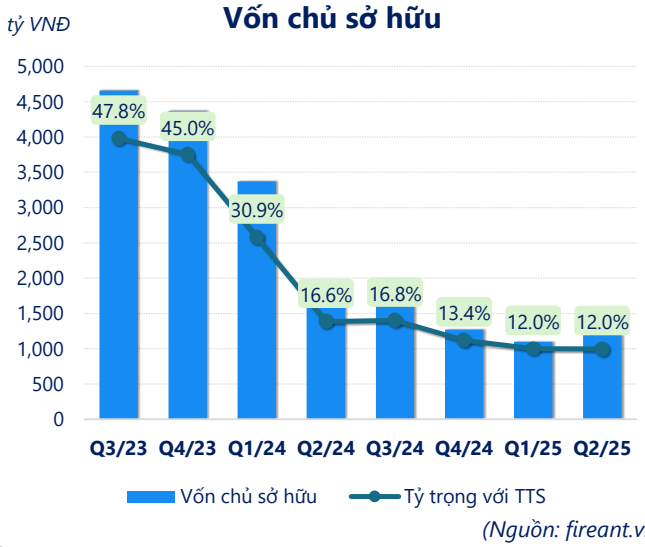
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



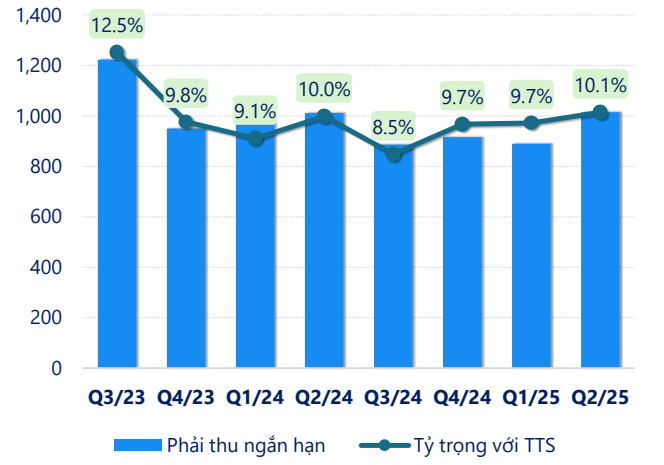
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



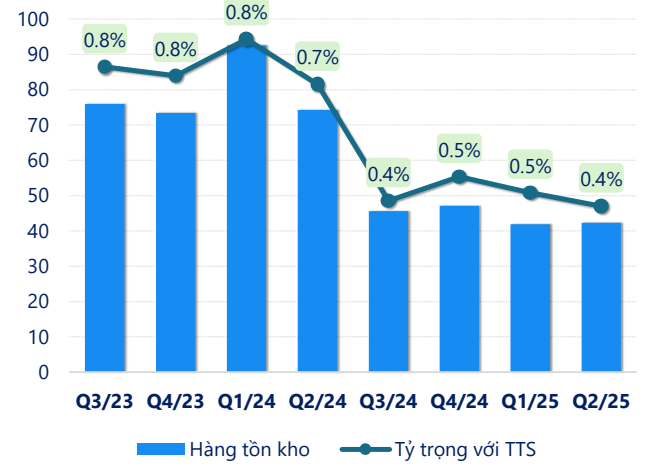
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



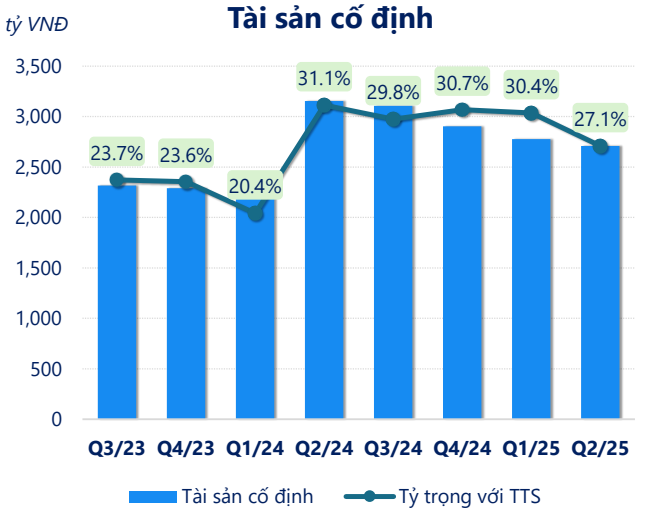
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



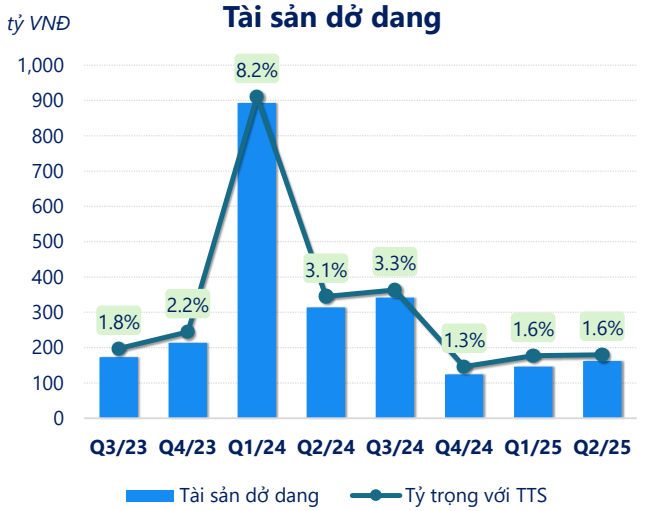
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



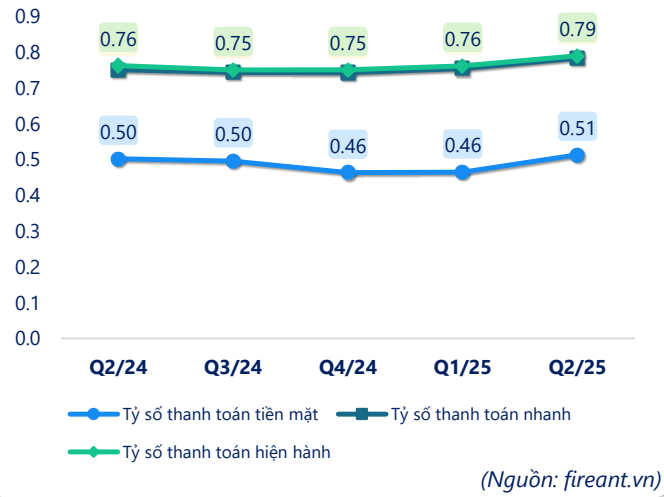
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



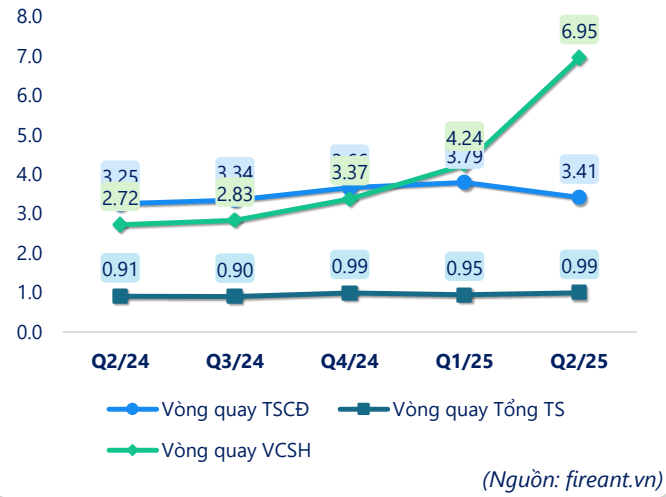
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**10,126**	**10,441**	**9,460**	**9,151**	**10,005**
Tài sản ngắn hạn	**5,070**	**4,628**	**4,362**	**4,163**	**4,947**
Tiền và tương đương tiền	3,341	3,055	2,693	2,538	3,215
Đầu tư tài chính ngắn hạn	61.3	51.5	110	114	59.3
Phải thu ngắn hạn	1,011	886	916	890	1,015
Hàng tồn kho	74.2	45.6	47.1	41.9	42.3
Tài sản ngắn hạn khác	583	591	596	579	616
Tài sản dài hạn	**5,056**	**5,813**	**5,098**	**4,988**	**5,058**
Phải thu dài hạn	9.01	8.94	13.6	12.8	44.1
Tài sản cố định	3,153	3,107	2,904	2,778	2,710
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	314	341	124	146	162
Đầu tư tài chính dài hạn	1,310	2,094	1,806	1,790	1,842
Tài sản dài hạn khác	255	248	237	249	222
Lợi thế thương mại	14.3	13.8	13.3	12.8	12.2
Nợ phải trả	**8,446**	**8,688**	**8,190**	**8,054**	**8,809**
Nợ ngắn hạn	**6,651**	**6,167**	**5,809**	**5,463**	**6,261**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,436	958	755	770	798
Phải trả người bán ngắn hạn	375	518	615	450	565
Nợ dài hạn	1,795	2,521	2,381	2,591	2,548
Vay và nợ thuê dài hạn	595	1,270	1,249	1,204	1,169
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,680**	**1,754**	**1,270**	**1,097**	**1,196**
Vốn chủ sở hữu	**1,680**	**1,754**	**1,270**	**1,097**	**1,196**
Vốn điều lệ	287	287	287	287	294
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)